

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 05/07/2024 đến ngày 11/07/2024)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỹ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận								Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý								Hồ sơ đang xử lý
			Tổng hồ sơ phát sinh trong kỳ	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ				Lũy kế				
				Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4				Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	
A	B	(1)	(2)=(3)+(4)+(5)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+(2)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)+(16)	(14)	(15)	(16)	(17)=(18)+(19)+(20)	(18)	(19)	(20)	(21)=(10)-(11)-(13)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	0	2	0	1	1	23	12	3	8	2	0	0	0	0	0	0	22	12	3	7	2
2	Bảo hiểm Xã hội	315	575	284	0	291	15.237	7.429	0	7.808	890	0	0	638	350	0	288	15.382	7.479	0	7.903	252
3	Công an tỉnh	4.806	771	752	19	0	11.726	3.810	7.916	0	5.577	0	0	2	2	0	0	7.816	2.148	5.668	0	5.575
4	Sở Giao thông Vận tải	428	596	596	0	0	14.570	14.570	0	0	1.024	0	0	825	825	0	0	14.627	14.627	0	0	199
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	38	249	53	196	0	3.417	815	2.602	0	287	0	0	236	40	196	0	3.451	849	2.602	0	51
6	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Công Thương	19	762	0	11	751	23.743	14	286	23.443	781	9	63	749	0	4	745	23.747	13	282	23452	23
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	282	20	19	1	0	26.750	392	110	26.248	302	0	28	25	22	0	3	26.483	380	86	26017	277
10	Sở Khoa học và Công nghệ	4	3	0	1	2	55	0	29	26	7	0	1	3	0	1	2	54	0	30	24	4
11	Sở Lao động, Thương binh và XH	22	7	0	4	3	427	0	383	44	29	0	46	4	0	4	0	381	0	347	34	25
12	Sở Ngoại vụ	2	0	0	0	0	14	0	14	0	2	0	0	2	0	2	0	14	0	14	0	0
13	Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn	52	47	1	44	2	1.283	21	978	284	99	5	71	56	1	53	2	1.213	21	910	282	38
14	Sở Nội vụ	12	4	2	0	2	339	33	1	305	16	0	17	9	5	0	4	319	33	1	285	7
15	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3	0	2	1	45	0	5	40	6	1	3	1	0	0	1	45	0	1	44	4
16	Sở Tài chính	0	1	0	0	1	16	0	3	13	1	0	2	0	0	0	0	13	0	1	12	1
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	78	13	0	13	0	579	241	320	18	91	0	3	18	0	16	2	587	315	264	8	73
18	Sở Tư pháp	536	316	198	39	79	9.086	4.400	2.561	2.125	852	0	22	331	197	33	101	9.091	4313	2676	2102	521
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7	18	0	1	17	362	0	23	339	25	0	24	15	0	0	15	337	0	21	316	10
20	Sở Xây dựng	103	32	0	11	21	940	200	309	431	135	13	165	46	0	43	3	797	223	179	395	76
21	Sở Y tế	286	44	0	30	14	1.701	24	707	970	330	2	40	76	3	50	23	1.745	26	668	1051	252
Tổng cộng		6.993	3.463	1.905	373	1.185	110.313	31.961	16.250	62.102	10.456	30	485	3.036	1.445	402	1.189	106.124	30.439	13.753	61.932	7.390

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Như Huỳnh

Nguyễn Thanh Hùng